

Bản án số: 92/2017/DS-ST

Ngày: 25-12-2017

V/v “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến
2. Ông Nguyễn Văn Thúc

- Thư ký phiên tòa: bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2017/QĐST-DS ngày 12/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983. HKTT: số 46 Lô A8 đường số 2, khu đô thị V, khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị T: ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre, theo văn bản ủy quyền ngày 07/11/2017. (có mặt)

2. *Bị đơn:* 1. Ông Lê Thành C, sinh năm 1962. (có mặt)

2. Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1962. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2017, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Tấn Đ – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Vào đầu năm 2014, chị Nguyễn Thị Thanh T có bán thức ăn cho tôm, thuốc xử lý

tôm cho ông Lê Thành C, việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời nói, hình thức mua trước trả sau, sau khi thu hoạch vụ tôm sẽ thanh toán tiền, một vụ tôm khoảng 3 đến 4 tháng. Tổng số tiền thuộc, thức ăn ông C mua nợ là 305.210.000 đồng (Ba trăm lẻ năm triệu hai trăm mười ngàn đồng). Sau khi thu hoạch vụ tôm xong, đến ngày 22/8/2014 ông C đã trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), còn nợ lại 205.210.000 đồng và trong tháng 8 ông C đã trả thêm 50.000.000 đồng (Năm chục triệu đồng), còn nợ lại 155.210.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu hai trăm mười ngàn đồng). Từ cuối tháng 8/2014 đến nay ông C không trả thêm khoản tiền nào, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Thành C cùng vợ là bà Đoàn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ 155.210.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu hai trăm mười ngàn đồng) và yêu cầu tính lãi của số tiền nêu trên từ ngày 30/8/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 30/10/2017 là 38 tháng với mức lãi suất 1%/tháng là 58.979.800 đồng, tổng cộng là 214.189.800 đồng (Hai trăm mười bốn triệu một trăm tám mươi chín ngàn tám trăm đồng).

Tại phiên tòa: ông Đ chỉ yêu cầu tính lãi của số tiền 155.210.000 đồng từ ngày 30/8/2014 đến ngày 30/10/2017 là 38 tháng với mức lãi suất 1%/tháng là 58.979.800 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi là 214.189.800 đồng (Hai trăm mười bốn triệu một trăm tám mươi chín ngàn tám trăm đồng), yêu cầu bị đơn trả một lần, không đồng ý cho bị đơn trả dần. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Lê Thành C trình bày:

Ông có mua thức ăn cho tôm, thuốc xử lý tôm của chị Nguyễn Thị Thanh T vào năm 2014 (không nhớ tháng). Hai bên mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời nói, hình thức mua trước trả sau, đến khi thu hoạch vụ tôm sẽ thanh toán tiền cho chị T, 01 vụ tôm khoảng 3 đến 4 tháng. Khi mua thức ăn cho tôm, thuốc xử lý tôm thì chị T cho người chở đến giao, bên chị T ghi sổ cái theo dõi và có ra phiếu giao cho ông giữ, phiếu giao hàng ghi rõ số lượng hàng hóa, đơn giá nhưng hiện nay ông đã làm mất không còn. Đến khi thu hoạch vụ tôm xong, ông và chị T có cộng sổ lại với nhau, tổng số tiền thuộc, thức ăn ông đã mua của chị T là 305.210.000 đồng. Do tôm hư hại nhiều bị thua lỗ ông không đủ tiền trả hết cho chị T nên ngày 22/8/2014 ông trả 100.000.000 đồng và cũng trong tháng 8/2014 ông trả tiếp 50.000.000 đồng, còn nợ lại 155.210.000 đồng. Số tiền nợ chị T ghi trong sổ cái và ông có ký tên vào chỗ số tiền còn nợ 155.210.000 đồng. Do ông còn nợ tiền nên sau đó ông mua tiếp thì chị T không bán, vì vậy ông phải mua của người khác để tiếp tục nuôi tôm nhưng do nuôi tôm thất nên đến nay ông vẫn chưa trả thêm khoản tiền nào cho chị T. Nay chị T yêu cầu ông trả số tiền còn nợ 155.210.000 đồng thì ông cũng đồng ý trả, đối với tiền lãi 58.979.800 đồng ông không đồng ý trả do khoản nợ này là ông mua hàng hóa trả còn nợ mà không phải là tiền ông vay của chị T; đồng thời ông yêu cầu được trả dần mỗi năm 50.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 155.210.000 đồng.

Ông thừa nhận biên nhận nợ còn lại 155.210.000 đồng có chữ ký tên, họ tên Lê

Thành C do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là do ông viết, ký tên, biên nhận trên là đúng nên ông không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Đoàn Thị M trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà còn nợ tiền mua thức ăn cho tôm, thuốc xử lý tôm của chị T là 155.210.000 đồng, vợ chồng bà đồng ý trả số tiền còn nợ nêu trên cho chị T và yêu cầu được trả dần trong thời gian 03 năm, đối với tiền lãi là bà không đồng ý trả.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: tại phiên tòa bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 155.210.000 đồng, từ cuối tháng 8/2014 đến nay bị đơn chưa trả thêm cho nguyên đơn khoản tiền nào và cũng thừa nhận biên nhận nợ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là đúng, không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Bị đơn đồng ý trả số tiền 155.210.000 đồng cho nguyên đơn, đối với tiền lãi thì không đồng ý trả. Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn từ cuối tháng 8/2014 đến nay, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 155.210.000 đồng và yêu cầu tính lãi của số tiền trên từ ngày 30/8/2014 đến ngày 30/10/2017 là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với mức lãi suất yêu cầu 1%/tháng là cao hơn mức lãi suất cơ bản nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều chỉnh cho phù hợp quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Thành C, bà Đoàn Thị M thừa nhận có mua thức ăn cho tôm, thuốc xử lý tôm của chị Nguyễn Thị Thanh T vào năm 2014, việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời nói, hình thức mua trước trả sau, sau khi thu hoạch vụ tôm sẽ thanh toán tiền, 01 vụ tôm khoảng 3 đến 4 tháng, tổng số tiền thức ăn, thuốc đã mua là 305.210.000 đồng. Sau khi thu hoạch vụ tôm, đến ngày 22/8/2014 ông C, bà M đã trả 100.000.000 đồng và trong tháng 8/2014 trả tiếp số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại 155.210.000 đồng. Từ cuối tháng 8/2014 đến nay ông C, bà M không trả thêm cho chị T khoản tiền nào.

[2] Xét thấy: ông C, bà M thừa nhận còn nợ chị T số tiền 155.210.000 đồng và đồng ý trả số tiền 155.210.000 đồng cho chị T. Ông C cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết Lê

Thành C trong giấy nợ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là chữ ký, chữ viết của ông, ông không yêu cầu giám định. Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu ông C, bà M trả số tiền 155.210.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của số tiền 155.210.000 đồng từ ngày 30/8/2014 đến ngày 30/10/2017 là 38 tháng với mức lãi suất 1%/tháng là 58.979.800 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: theo thỏa thuận bên mua là ông C, bà M sẽ thanh toán tiền mua thức ăn cho tôm, thuốc xử lý tôm cho bên bán là chị T sau khi thu hoạch vụ tôm. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch vụ tôm xong ông C, bà M chỉ thanh toán được 150.000.000 đồng, còn nợ lại 155.210.000 đồng từ cuối tháng 8/2014 đến nay. Như vậy, ông C, bà M đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 155.210.000 đồng cho chị T nên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, do đó chị T yêu cầu tính lãi đối với số tiền 155.210.000 đồng từ ngày 30/8/2014 đến ngày 30/10/2017 là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 438, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005. Tuy nhiên, xét thấy yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng của chị T là cao hơn so với quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 nên Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại cho phù hợp là 0,75%/tháng theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại Quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cụ thể: $155.210.000 \text{ đồng} \times 38 \text{ tháng} \times 0,75\%/\text{tháng} = 44.234.850 \text{ đồng}$.

[4] Xét thấy: ông C là người trực tiếp giao kết hợp đồng mua bán và mục đích của việc nuôi tôm là muốn tăng thu nhập lo cho cuộc sống gia đình. Mặc dù, bà M không cùng giao kết hợp đồng mua bán, bà M và ông C không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng ông C, bà M đã chung sống cùng nhau từ năm 1985 được xem là hôn nhân thực tế. Hiện nay, bà M và ông C vẫn sống chung, cùng làm ăn kinh tế chung. Đồng thời, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà M đồng ý liên đới cùng ông C trả số tiền còn nợ cho chị T. Do đó, xét thấy yêu cầu của chị T yêu cầu ông C, bà M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ 155.210.000 đồng và tiền lãi của số tiền nêu trên từ ngày 30/8/2014 đến ngày 30/10/2017 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu xin trả dần số tiền 155.210.000 đồng trong thời gian 03 năm của ông C, bà M không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý và không phù hợp với quy định pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: $(199.444.850 \text{ đồng} \times 5\%) = 9.972.242 \text{ đồng}$ (Chín triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm bốn mươi hai đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Thành C, bà Đoàn Thị M phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự

năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T. Buộc bị đơn ông Lê Thành C, bà Đoàn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 199.444.850 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 155.210.000 đồng, tiền lãi là 44.234.850 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: $(199.444.850 \text{ đồng} \times 5\%) = 9.972.242 \text{ đồng}$ (Chín triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm bốn mươi hai đồng) buộc bị đơn ông Lê Thành C, bà Đoàn Thị M có nghĩa vụ liên đới nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.355.000đ (Năm triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012418 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Phương Nhi

